TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **01** /2019/ HNGĐ - ST
Ngày 05 / 3 / 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Thanh Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Bắc

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 05 tháng 03 năm 2019; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/HNGGĐ - ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX- ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1989. Có mặt
Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Dương Văn B, sinh năm 1987. Có mặt.
Địa chỉ : Thôn C, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn B vào ngày 31 tháng 10 năm 2016. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Cưới xong chị về nhà anh B ở làm dâu luôn và ở chung cùng gia đình, tình cảm vợ chồng ban dầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 10 năm 2018, do tính cách sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng cãi nhau nhiều lần và anh B đã đánh chị 1 lần; vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Từ ngày vợ chồng sống ly thân chị đã về bên ngoại ở từ đó cho đến nay, anh B không đến khuyên ngăn chị về đoàn tụ lần nào cả, khi chị về thăm con anh B còn đánh đuổi chị không cho thăm.

Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Dương Văn B được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, cháu Dương Nhất L, sinh ngày 04/12/2017. Hiện nay cháu L đang ở với anh B, vợ chồng ly hôn chị để nghị được nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu. Hiện nay chị có chỗ ở ổn định, chị đang làm công nhân thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng, chị đảm bảo về việc nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Dương Văn B xác nhận một phần lời khai của chị T qua các lời khai, tại phiên tòa anh trình bầy: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị T vào tháng 10 năm 2016 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã L; cưới xong chị T về ở cùng gia đình anh ở luôn, tình cảm hòa thuận, hạnh phúc và ở chung cùng gia đình.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, vợ chồng đôi khi cũng có cãi chửi nhau vài lần nhưng không đánh nhau; vợ chồng đã sống ly thân nhau về tình cảm từ khoảng tháng 9 năm 2018 cho đến nay, chị T đã về bên ngoại ở.

Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh xác định tình cảm vẫn còn và không có mâu thuẫn gì lớn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, cháu Dương Nhất L, sinh ngày 04/12/2017. Hiện nay cháu L đang ở với anh, vợ chồng ly hôn anh để nghị được nuôi cháu; về cấp dưỡng nuôi con anh không có yêu cầu. Hiện nay anh có chỗ ở ổn định, anh làm ruộng và làm thợ xây có thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/1 tháng, anh đảm bảo cho việc nuôi con trưởng thành.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị Hoàng Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn theo quy định của pháp luật, còn anh B không đồng ý ly hôn.

* Phần tranh luận:

Chị T có ý kiến đưa ra tranh luận: Anh B đánh đuổi tôi là có thật nhưng trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay anh nói không đánh chửi tôi bao giờ là thế nào.

Anh B đối đáp: Chị T trình bầy tôi đánh, đuổi chị T ra khỏi nhà là không đúng, chị T nói sai.

Sau khi anh B có ý kiến đối đáp chị T giữ nguyên ý kiến, chị không đồng ý với lời đối đáp của anh B.

Anh B: Không có ý kiến đưa ra tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Ý kiến của kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn B được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng cháu Dương Nhất L, sinh ngày 04/12/2017; Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị T, anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị T, bị đơn anh Dương Văn B và những tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình, có cơ sở xác định: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Dương Văn B vào ngày 31 tháng 10 năm 2016 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã L số 21 ngày 31/10/2016; cưới xong chị T về ở cùng gia đình anh B luôn, tình cảm hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ tháng 9 tháng 10 năm 2018, do tính cách sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng cãi nhau nhiều lần,vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, chị T đã về bên ngoại ở; quá trình vợ chồng sống ly thân anh B không đến gia đình chị T hòa giải đón chị T đoàn tụ vợ chồng lần nào. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn nhau, còn anh B muốn vợ chồng về đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã kéo dài trầm trọng, quá hai bên sống ly thân đã một thời gian không đoàn tụ được, không thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa

vụ chung sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình; do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh B theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh B có có 01 con chung, cháu Dương Nhất L, sinh ngày 04/12/2017. hiện nay cháu đang ở cùng anh B; nếu ly hôn chị T và anh B đều có nguyện vọng xin được nuôi con, không bên nào yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy về nguyện vọng nuôi con của anh B và chị T là chính đáng, nhưng để bảo đảm việc nuôi dưỡng cháu theo quy định của pháp luật thì thấy, cháu L hiện còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, chị T có nguyện vọng và có đủ điều kiện nuôi con; do vậy, cần giao cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng cháu Dương Nhất L, sinh ngày 04/12/2017. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Chị T, anh B đều không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản. Vì thế Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nhưng chị T thuộc người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị T.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn B được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng cháu Dương Nhất L, sinh ngày 04/12/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu.

Anh B có quyền thăm con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh B

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn toàn bộ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm; các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn